

CÔNG TY CỔ PHẦN TIMAX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TIMAX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIMAX JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIMAX., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109864336

3. Ngày thành lập: 21/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: 0987782058

Fax:

Email: supply.timax@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4530
6.	Bán mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý, môi giới hàng hóa Không bao gồm hoạt động đấu giá	4610(Chính)
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại trừ vàng miếng	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

19.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Kinh doanh bất động sản	6810
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710
23.	Bán buôn tổng hợp Trừ loại nhà nước cấm	4690
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
25.	Sản xuất sợi	1311
26.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
27.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
29.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
30.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
31.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
32.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
35.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
36.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
37.	In ấn Trừ các loại nhà nước cấm	1811
38.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
39.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
40.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
41.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
45.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
47.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
55.	Đại lý du lịch Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7911
56.	Điều hành tua du lịch	7912
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
58.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
59.	Thu gom rác thải không độc hại Không bao gồm thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình	3811
60.	Thu gom rác thải độc hại	3812
61.	Tái chế phế liệu	3830
62.	Xây dựng nhà để ở	4101
63.	Xây dựng nhà không để ở	4102
64.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
65.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
66.	Xây dựng công trình điện	4221
67.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
68.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
69.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
70.	Xây dựng công trình thủy	4291
71.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
72.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
74.	Phá dỡ Không bao gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn	4311
75.	Chuẩn bị mặt bằng Không bao gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn	4312
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
79.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

80.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
81.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên:

Giới tính:

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội